

CHỈ SỐ CÔNG TƠ VÀ SỐ ĐIỆN SỬ DỤNG KTX K1

Tháng 2/2016

STT	Số phòng	Số SV ở phòng	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Số dư	Đơn giá (1.786*10%)	Thành tiền	Ghi chú
1	101	Phòng trực Y tế	4.026	4.047				
2	102	8	5.213	5.247	34	1.965	66.796	
3	103	8	6.041	6.053	12	1.965	23.575	
4	104	8	4.766	4.794	28	1.965	55.009	
5	105	8	5.033	5.078	45	1.965	88.407	
6	106	8	4.200	4.288	88	1.965	172.885	
7	107	PSHC	1.778	1.781			0	
8	108		1.822	1.824			0	
9	109		2.629	2.654	25	1.965	49.115	
10	110	8	3.400	3.428	28	1.965	55.009	
11	111	8	3.099	3.125	26	1.965	51.080	
12	112	8	4.993	5.003	10	1.965	19.646	
13	113	7	4.114	4.161	47	1.965	92.336	
14	114	7	4.650	4.667	17	1.965	33.398	
15	201	8	3.021	3.037	16	1.965	31.434	
16	202	4	5.319	5.339	20	1.965	39.292	
17	203	8	4.427	4.442	15	1.965	29.469	
18	204	6	7.609	7.694	85	1.965	166.991	
19	205	8	5.484	5.492	8	1.965	15.717	
20	206	8	5.463	5.490	27	1.965	53.044	
21	207	5	3.344	3.363	19	1.965	37.327	
22	208	8	5.689	5.714	25	1.965	49.115	
23	209	8	5.601	5.627	26	1.965	51.080	
24	210	8	5.877	5.896	19	1.965	37.327	
25	211	8	5.276	5.292	16	1.965	31.434	
26	212	8	6.542	6.569	27	1.965	53.044	
27	213	8	6.472	6.494	22	1.965	43.221	
28	214	8	5.999	6.014	15	1.965	29.469	
29	301	1 SV ăn độ	5.118	5.138	20	1.965	39.292	
30	302	5	6.329	6.340	11	1.965	21.611	
31	303	7	5.962	5.973	11	1.965	21.611	
32	304	8	4.854	4.856	2	1.965	3.929	
33	305	7	6.228	6.245	17	1.965	33.398	
34	306	7	5.116	5.129	13	1.965	25.540	
35	307	PSHC	898	900		1.965	0	
36	308		692	692		1.965	0	

37	309	8		5.397	5.431	34	1.965	66.796	
38	310	8		6.444	6.454	10	1.965	19.646	
39	311	8		3.742	3.759	17	1.965	33.398	
40	312	8		4.932	4.969	37	1.965	72.690	
41	313	8		5.639	5.663	24	1.965	47.150	
42	314	8		6.155	6.171	16	1.965	31.434	
43	401	8		3.954	3.974	20	1.965	39.292	
44	402	8		4.618	4.636	18	1.965	35.363	
45	403	8		3.522	3.530	8	1.965	15.717	
46	404	8		3.544	3.561	17	1.965	33.398	
47	405	1		4.753	4.788	35	1.965	68.761	
48	406	8		6.746	6.773	27	1.965	53.044	
49	407	8		6.146	6.169	23	1.965	45.186	
50	408	8		4.273	4.315	42	1.965	82.513	
51	409	7		5.956	5.984	28	1.965	55.009	
52	410	8		3.793	3.807	14	1.965	27.504	
53	411	8		4.999	5.018	19	1.965	37.327	
54	412	8		6.192	6.217	25	1.965	49.115	
55	413	8		3.978	3.990	12	1.965	23.575	
56	414	8		5.009	5.024	15	1.965	29.469	
57	501	7		2.989	3.012	23	1.965	45.186	
58	502	8		4.707	4.715	8	1.965	15.717	
59	503	7		2.252	2.265	13	1.965	25.540	
60	504	8		3.466	3.486	20	1.965	39.292	
61	505	8		3.605	3.640	35	1.965	68.761	
62	506	1	SVNN TT	4.460	4.544	84	1.965	165.026	
63	507	3	CPC	3.093	3.130	37	1.965	72.690	
64	508	3	SVNN TT	9.159	9.264	105	1.965	206.283	
65	509	4	SVNN TT	5.196	5.226	30	1.965	58.938	
66	510	8		4.022	4.042	20	1.965	39.292	
67	511	8		6.528	6.539	11	1.965	21.611	
68	512	8		3.459	3.474	15	1.965	29.469	
69	513	8		3.434	3.459	25	1.965	49.115	
70	514	8		5.087	5.107	20	1.965	39.292	
	Cộng	465				1.661		3.263.201	

(Bảng chữ: Ba triệu hai trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm linh một đồng)

Trong đó: - Nhà trường hỗ trợ cho sinh viên nước ngoài thực tập là 500.000 đ/phòng

- Số tiền phải nộp là: 2.832.953 đồng

PHÒNG QUẢN TRỊ PV
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TT DV TỔNG HỢP
PHÓ GIÁM ĐỐC

TỔ KTX

NGƯỜI ĐỌC SỐ NGƯỜI LẬP

ThS. Ngô Xuân Hoà

ThS. Lê Xuân Hưng

Trần Xuân Nam

Đào Việt Hòa

Trần Thị Hà